

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 262/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 37/2026/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Theo đề nghị của UBND tỉnh tại Công văn số.....ngày....tháng.....năm 2026; Báo cáo thẩm tra số...../BC-HĐND ngày.....tháng.....năm 2026 của Ban... Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An (sau đây gọi tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở, ban, ngành cấp tỉnh, các cơ quan khác ở tỉnh (sau đây gọi tắt là sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh); các xã và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Chương trình.

Chương II

NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Việc phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh phải bảo đảm đúng mục tiêu, đối tượng, nội dung của Chương trình; tuân thủ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, các quy định của pháp luật có liên quan và Quyết định số 37/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Việc phân bổ ngân sách trung ương thực hiện Chương trình bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ; không trùng lặp với các chương trình mục tiêu quốc gia khác, chương trình, dự án khác và các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí kinh phí chi thường xuyên hằng năm; khuyến khích, huy động sự tham gia, đóng góp hợp pháp của tổ chức, gia đình, cá nhân trong công tác chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển.

3. Ưu tiên bố trí vốn để thực hiện các nhiệm vụ, dự án tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn biên giới và các địa bàn có nhu cầu chăm sóc sức khỏe cao theo mục tiêu của Chương trình, trên cơ sở các chỉ số chuyên ngành và điều kiện thực tế của từng địa phương.

4. Phân bổ ngân sách nhà nước hằng năm cho các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và các xã, phường thực hiện Chương trình căn cứ mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung hoạt động của Chương trình; kế hoạch thực hiện hằng năm; khả

năng cân đối ngân sách nhà nước; nhu cầu thực tế; kết quả thực hiện nhiệm vụ, sử dụng và giải ngân ngân sách nhà nước của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

a) Trường hợp nhu cầu của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và các xã, phường thấp hơn mức ngân sách nhà nước được xác định theo tiêu chí, hệ số phân bổ quy định tại Nghị quyết này thì bố trí theo nhu cầu thực tế. Phần kinh phí còn lại được phân bổ cho các xã, phường khác trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ, nhu cầu thực tế, khả năng hấp thụ vốn, kết quả thực hiện và giải ngân, ưu tiên địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, miền núi, biên giới.

b) Trường hợp nhu cầu của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và các xã, phường cao hơn mức ngân sách nhà nước được xác định theo tiêu chí, hệ số phân bổ quy định tại Nghị quyết này thì bố trí theo mức được xác định. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm chủ động cân đối, huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện, bảo đảm hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình và không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

5. Trường hợp có chia tách, sáp nhập đơn vị hành chính, cơ quan, đơn vị trong giai đoạn thực hiện Chương trình, việc phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện theo các nguyên tắc sau:

a) Đối với các đơn vị mới được sáp nhập từ hai đơn vị hành chính hoặc cơ quan hoặc đơn vị trở lên, phân bổ ngân sách trung ương bằng tổng mức đã phân bổ cho từng đơn vị hành chính, cơ quan, đơn vị trước khi sáp nhập bảo đảm việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, hoạt động, dự án của Chương trình liên tục, có tính kế thừa, không gián đoạn.

b) Đối với các đơn vị mới được chia tách, phân bổ ngân sách trung ương tương ứng theo các nhiệm vụ, nội dung, hoạt động, dự án được phân chia từ đơn vị hành chính hoặc cơ quan hoặc đơn vị trước chia tách cho đơn vị mới theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương

1. Tiêu chí, hệ số điểm phân bổ cho xã, phường

a) Theo phân loại khu vực hành chính cấp xã ($H_{đvhc}$)

Tiêu chí, hệ số điểm phân bổ cho xã, phường thuộc đối tượng hỗ trợ theo nguyên tắc được quy định cụ thể như sau:

- Xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã biên giới, xã đảo: $H_{đvhc} = 250$ điểm.

- Xã khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: $H_{đvhc} = 200$ điểm.

- Xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: $H_{đvhc} = 150$ điểm.

- Xã, phường còn lại: $H_{đvhc} = 100$ điểm.

Trường hợp một xã đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên thì chỉ áp dụng một (01) hệ số phân bổ cao nhất tương ứng với một trong các đối tượng đó; không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số đối với cùng một xã.

b) Tiêu chí phân bổ theo tỷ lệ số bổ sung cân đối/tổng chi cân đối ngân sách địa phương ($H_{cđns}$)

Căn cứ tỷ lệ số bổ sung cân đối/tổng chi cân đối ngân sách địa phương năm 2026 của tỉnh Nghệ An, hệ số điểm được xác định như sau:

Tỷ lệ số bổ sung cân đối/tổng chi cân đối ngân sách địa phương từ 60% trở lên: $H_{cđns} = 100$ điểm.

Tỷ lệ số bổ sung cân đối/tổng chi cân đối ngân sách địa phương từ 40% đến dưới 60%: $H_{cđns} = 80$ điểm.

Tỷ lệ số bổ sung cân đối/tổng chi cân đối ngân sách địa phương dưới 40% $H_{cđns} = 60$ điểm.

c) Theo quy mô dân số (H_{ds})

Hệ số điểm theo quy mô dân số của các xã, phường được xác định như sau:

Từ 80.000 dân trở lên: $H_{ds} = 200$ điểm

Từ 50.000 dân đến dưới 80.000 dân: $H_{ds} = 160$ điểm

Từ 20.000 dân đến dưới 50.000 dân: $H_{ds} = 120$ điểm

Dưới 20.000 dân: $H_{ds} = 80$ điểm

d) Theo quy mô diện tích (H_{dt})

Căn cứ diện tích năm 2025 của tỉnh, hệ số điểm theo quy mô diện tích được xác định như sau:

Từ 200.000 km² trở lên: $H_{dt} = 80$ điểm

Từ 150.000 km² đến dưới 200.000 km²: $H_{dt} = 70$ điểm

Từ 100.000 km² đến dưới 150.000 km²: $H_{dt} = 60$ điểm

Từ 50.000 km² đến dưới 100.00 km²: $H_{dt} = 50$ điểm

Dưới 50.000 km²: $H_{dt} = 40$ điểm

2. Phương pháp xác định kết quả phân bổ ngân sách trung ương

Phương pháp tính phân bổ vốn đầu tư công, kinh phí thường xuyên ngân sách trung ương cho xã/phường i được xác định theo phương pháp tính điểm tổng hợp như sau:

$$\text{Phân bổ vốn cho xã/phường } i = \frac{\text{Tổng điểm của xã/phường } i (S_i)}{\text{Tổng điểm của tỉnh } (S_T)} \times \text{Ngân sách trung ương phân bổ cho xã, phường}$$

Trong đó:

- Tổng điểm xã/phường $S_i =$ Điểm tiêu chí số lượng đơn vị hành chính cấp xã (H_{dvhci}) + điểm tiêu chí khả năng cân đối ngân sách xã/phường i ($H_{cđnsi}$) + điểm tiêu chí dân số xã/phường i (H_{dsi}) + điểm tiêu chí diện tích xã/phường i (H_{dti})

- Tổng điểm toàn tỉnh S_T = Tổng điểm các xã/phường i được xác định trên cơ sở các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Nguồn số liệu

- a) Số liệu dân số địa bàn tỉnh được Sở Y tế tổng hợp năm 2025;
- b) Số liệu về diện tích tỉnh Nghệ An được lấy sử dụng theo Công văn số 2895/BNV-CQĐP ngày 27/5/2025 của Bộ Nội vụ về việc cung cấp thông tin danh mục dự kiến đơn vị hành chính cấp xã mới;
- c) Danh sách xã, phường nhận bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh năm 2026 (tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh = tổng số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp xã/tổng chi cân đối ngân sách cấp xã) (theo Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2026).
- d) Danh sách xã khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 60/QĐ-BD TTG ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố; Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã, phường vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã, phường khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
- e) Danh sách xã khu vực biên giới đất liền, xã khu vực biên giới biển theo Phụ lục I và II quy định tại Nghị định số 299/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các nghị định của Chính phủ về biên phòng, biên giới quốc gia.

Điều 5. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh

1. Vốn ngân sách trung ương bố trí cho các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh để thực hiện Chương trình được xác định căn cứ các tiêu chí sau:

- Khối lượng nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và nhu cầu vốn để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình theo kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc được bổ sung, điều chỉnh theo quy định của pháp luật;
- Nội dung, tính chất và phạm vi của nhiệm vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, khả năng thực hiện của sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; bảo đảm không trùng lặp về nội dung chi và đối tượng thụ hưởng với nhiệm vụ đã phân cấp cho địa phương, nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác hoặc nhiệm vụ chi khác đã được bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh.
- Kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả giải ngân vốn của các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh năm trước liền kề và 6 tháng đầu năm thực hiện.

2. Trên cơ sở các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh giao cơ quan chuyên môn chủ trì tổng hợp, đề xuất phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm và dự toán kinh phí thường xuyên nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình cho các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương

1. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh và các xã, phường

Căn cứ tổng mức ngân sách trung ương của Chương trình được cấp có thẩm quyền giao và các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ được quy định tại Nghị quyết này, ngân sách trung ương được phân bổ cho các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và hỗ trợ có mục tiêu cho các địa phương xã, phường để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trong từng giai đoạn và hằng năm.

2. Định mức phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

Căn cứ tổng dự toán, kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình được cấp có thẩm quyền giao, phân bổ không vượt quá 10% kế hoạch vốn đầu tư công và kinh phí thường xuyên nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình trong giai đoạn 2026-2030 và hằng năm cho các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh chủ trì thực hiện các nhiệm vụ mang tính chất nền tảng, chuyển đổi số y tế và các mô hình thí điểm chăm sóc sức khỏe cộng đồng, các hoạt động mang tính chất liên vùng, liên ngành, xây dựng thể chế, hướng dẫn chuyên môn và các nhiệm vụ đặc thù của y tế chuyên sâu, dân số và phát triển; các nội dung, nhiệm vụ có tính chất liên xã, liên vùng và các nhiệm vụ khác theo quy định của Chương trình; bảo đảm không trùng lặp nội dung chi, đối tượng thực hiện với các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án và các nhiệm vụ chi khác.

3. Định mức phân bổ ngân sách trung ương tại các xã, phường

a) Phần vốn đầu tư công và kinh phí thường xuyên nguồn ngân sách trung ương còn lại sau khi thực hiện phân bổ cho các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều này được phân bổ cho các xã, phường để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Nghị quyết này; Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ phần vốn quy định tại điểm a khoản này, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

b) Phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ, điều chỉnh dự toán kinh phí thường xuyên nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình theo từng nội dung, hoạt động và lĩnh vực chi trên địa bàn theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Việc phân bổ ngân sách trung ương tại địa phương phải bảo đảm không trùng lặp nội dung, đối tượng với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương

trình, dự án khác thực hiện trên cùng địa bàn và ưu tiên vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, miền núi, biên giới, xã đảo.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khóa XIX, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: Bộ Y tế, Tư pháp (Cục KTVB&TCTHPL) (để b/c);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Cơ quan UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Website <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH